

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK MK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK MK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110624811

3. Ngày thành lập: 07/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 136 ngõ Thịnh Hào 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936600833

Fax:

Email: thuhoai83tb@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe có động cơ: ô tô chở khách loại trên 12 chỗ	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý xe có động cơ: ô tô chở khách loại trên 12 chỗ	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá mô tô, xe máy)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Cung cấp cây xanh;	4620
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương đương	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Buôn bán máy văn phòng	4659
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp	4669
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt công ty kinh doanh	8299(Chính)
25.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
26.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
27.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (không bao gồm xăm mắt, xăm)	9610
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan đến máy vi tính;	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử	6399
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết:Kinh doanh bất động sản	6810
33.	Quảng cáo (Trừ nhà nước cấm)	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;	7410
36.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
37.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
38.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Dịch vụ cho thuê xe;	7710
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ nhà nước cấm)	4690
40.	In ấn (Trừ rập khuôn tem và các loại nhà nước cấm)	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem và các loại nhà nước cấm)	1812
42.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
43.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
47.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
48.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thiết bị gia dụng.	4784
49.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hàng hóa	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa	4933
52.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
53.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
54.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
55.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730

61.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm (không bao gồm dịch vụ môi giới)	7810
62.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
63.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
64.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình	8129
65.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
66.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
69.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
70.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm	3319
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Thu gom rác thải độc hại	3812
76.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
77.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3822
78.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải (theo qui định)	3900
79.	Xây dựng nhà để ở	4101
80.	Xây dựng nhà không để ở	4102
81.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
82.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
83.	Xây dựng công trình điện	4221
84.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
85.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
86.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
87.	Xây dựng công trình thủy	4291
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

91.	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ các tòa nhà;	4311
92.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ nổ mìn)	4312
93.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
94.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
95.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Radiô, cassette, tivi; - Loa, thiết bị âm thanh nổi; - Máy văn phòng	4742
96.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
97.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng: nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện.	4759
99.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm	4761

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ ANH	Tổ 10 Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	0340810024 12	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		
2	PHÙNG VĂN TUYÊN	Xóm Gỏi Chòi, Xã Khôi Kỳ, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	0190780123 99	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

3	NGUYỄN THỊ THU	Số 136 ngõ Thịnh Hào 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	034183009537
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU
Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/07/1983
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034183009537

Ngày cấp: 09/01/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Vũ Quý, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 136 ngõ Thịnh Hào 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội